

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|---------------------------------|
| 1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | | |
| <p>Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yếu tố như công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị; mức tiêu hao điện năng, nguyên nhiên vật liệu.</p> <p><u>Thông số kỹ thuật tương đương</u>: là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ tương đương hoặc cao hơn các nội dung yêu cầu của E-HSMT nhà thầu phải đề xuất một nhà sản xuất hoặc chủng loại thiết bị cụ thể. Nhận hiệu, tên nhà sản xuất thiết bị (linh kiện) của hàng hóa, nêu trong E-HSMT chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị (linh kiện), không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể chào hàng hóa có thông số kỹ thuật</p> | <p>a) Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nêu tại Chương V, Mục 2 Yêu cầu về kỹ thuật và nhà thầu phải có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết hàng hóa mới 100% và chưa qua sử dụng. - Cam kết các thiết bị chào thầu phải nguyên đai nguyên kiện không đơn chiếc từng bộ phận. - Cam kết cung cấp bản sao y của nhà phân phối hoặc đại lý phân phối (được ủy quyền): giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) đối với hàng hóa nhập khẩu và chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q). - Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalogue khác nhưng nhà thầu phải chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu. Đặc tính thông số kỹ thuật hàng hóa của E-HSMT là yêu cầu tối thiểu. - Nhà thầu phải nêu rõ nguồn gốc xuất | Đạt |

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| | | |
|---|---|------------------|
| <p>tương đương hoặc tốt hơn các thiết bị (linh kiện) nêu trên về thông số kỹ thuật chi tiết, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ.</p> <p>- Trường hợp nhà thầu dự thầu thiết bị có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với E-HSMT thì nhà thầu phải chứng minh thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn bằng văn bản của một đơn vị kiểm định chất lượng được phép thực hiện theo quy định hiện hành.</p> | <p>xứ, chủng loại, ký mã hiệu, model, tình trạng và năm sản xuất của mỗi loại hàng hóa dự thầu.</p> | |
| | <p>b) Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu ở điểm a</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</p> | | |
| <p>Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa</p> | <p>a) Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công, sửa chữa khả thi, hợp lý và hiệu quả kinh tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thuyết minh biện pháp quy trình tổ chức, nhập khẩu nguyên vật liệu, công tác chuẩn bị, tổ chức thi công, tập kết thiết bị hàng hóa và lưu kho tại công trường; + Thuyết minh biện pháp thi công lắp đặt các thiết bị hàng hóa tại công trình. + Thuyết minh biện pháp vận chuyển thiết bị hàng hóa đến công trường và biện pháp bảo quản để đảm bảo chất lượng thiết bị hàng hóa trong quá trình vận chuyển; + Thuyết minh kế hoạch tập huấn, hướng dẫn chi tiết cho đơn vị sử dụng. + Thuyết minh biện pháp kiểm tra giám sát, quản lý chất lượng, nghiệm thu hàng hóa; + Nhà thầu có văn bản cam kết chuẩn bị đầy đủ hàng hóa được Chủ đầu tư kiểm tra chất lượng hàng hóa trước khi lắp đặt. + Nhà thầu có văn bản cam kết bố trí nhân sự để phối hợp với Chủ đầu tư kiểm tra chất lượng hàng hóa trước khi cung cấp, lắp đặt, bàn giao, tập huấn, hướng dẫn chi tiết cho đơn vị sử dụng. | <p>Đạt</p> |
| | <p>b) Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu ở điểm a hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý với nội dung của gói thầu.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>3. Tiến độ cung cấp hàng hóa</p> | | |

| | | |
|--|--|----------------|
| Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (≤ 150 ngày) | a) Có Bảng tiến độ (theo dạng biểu đồ) cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và trong đó phải thể hiện rõ các mốc thời gian bắt đầu - kết thúc của từng nội dung công việc, tuy nhiên tổng tiến độ không vượt thời gian thi công theo quy định của E-HSMT cụ thể: - Thời gian thi công chi tiết phù hợp với nội dung giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa. - Thời gian vận hành, chạy thử, nghiệm thu bàn giao và đào tạo hướng dẫn sử dụng. | Đạt |
| | b) Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu ở điểm a hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý với nội dung của gói thầu. | Không đạt |
| 4. Khả năng thích ứng và tác động đến môi trường | | |
| Khả năng thích ứng về địa lý | a) Nhà thầu có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, đã được sử dụng tại các nước có điều kiện khí hậu nhiệt đới, nóng, ẩm. | Đạt |
| | b) Không đáp ứng yêu cầu nêu ở điểm a | Không đạt |
| Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết | a) Nhà thầu có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn không ảnh hưởng tác động đến môi trường. | Đạt |
| | b) Nhà thầu có cam kết hàng hóa được cung cấp có một phần ảnh hưởng tác động đến môi trường và có đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý. | Chấp nhận được |
| | c) Không đáp ứng yêu cầu nêu ở điểm a, b | Không đạt |
| 5. Bảo trì, bảo hành | | |
| Bảo hành | a) Thời gian bảo hành bằng hoặc dài hơn thời gian yêu cầu của E-HSMT: - Cam kết có thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót,... kể từ khi nhận được yêu cầu của đơn vị sử dụng tài sản, chủ đầu tư không quá 24 giờ. - Có thuyết minh diễn giải quy trình tiếp nhận sửa chữa, bảo hành; cung cấp vật tư, phụ tùng linh kiện thay thế; - Địa điểm bảo hành: Cam kết bảo hành tại nơi sử dụng. | Đạt |
| | b) Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu ở điểm a | Không đạt |

| | | |
|--|--|-----------|
| Bảo trì | a) Có thuyết minh kế hoạch, lịch trình bảo trì trong và sau thời gian bảo hành. Trong thời gian bảo hành, số lần bảo trì tối thiểu 01 lần trong 3 tháng. b) Cam kết có phụ tùng, linh kiện để cung cấp thay thế trong thời hạn bảo trì và theo quy định của nhà xuất. | Đạt |
| | c) Không đáp ứng yêu cầu nêu ở điểm a, b, c hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý với nội dung của gói thầu | Không đạt |
| 6. Biện pháp an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường | | |
| Biện pháp an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường | a) Có thuyết minh biện pháp đảm bảo an toàn lao động; b) Có thuyết minh biện pháp đảm bảo phòng chống cháy nổ; c) Có thuyết minh biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện gói thầu | Đạt |
| | d) Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu ở điểm a, b, c hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý với nội dung của gói thầu. | Không đạt |
| 7. Uy tín của nhà thầu | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong thời gian 03 năm gần nhất đến thời điểm đóng thầu: thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. | a) Đáp ứng các yêu cầu sau: Nhà thầu có văn bản cam kết trong vòng 3 năm trở lại đây như sau: - Không có hợp đồng chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu. - Không có trường hợp bỏ thương thảo hợp đồng; có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng (chỉ áp dụng cho các nhà thầu không bị nêu tên trên muasamcong). - Không bị chủ đầu tư, bên mời thầu hoặc cơ quan chức năng kết luận là kê khai không trung thực, gian lận trong đấu thầu. - Nhà thầu không bị đưa vào danh sách các nhà thầu vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. | Đạt |
| | b) Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu ở điểm a, hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý với nội dung của gói thầu hoặc không trung thực với nội dung cam kết. | Không đạt |

Kết luận: Nhà thầu được đánh giá tất cả nội dung được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các nội dung thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không được phép

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Không có

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.